

VĂN PHÒNG
CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 505/QĐ-VPCTN

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024
của Văn phòng Chủ tịch nước

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-CTN ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch nước về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng Chủ tịch nước;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1025/TB-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản trị - Tài vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Văn phòng Chủ tịch nước (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Vụ Quản trị - Tài vụ và Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- VPCTN: LĐVP (để b/c), các Vụ, Website VP;
- Lưu: VT, Vụ QTTV (03).

**KT. CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**

Phan Thị Kim Oanh

Đơn vị: Văn phòng Chủ tịch nước

Chương: 001



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 505 /QĐ-VPCTN ngày 11 /12 /2025 của Văn phòng Chủ tịch nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	183.014,6	183.014,6	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	183.014,6	183.014,6	0
1	Chi quản lý hành chính	182.856,3	182.856,3	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	48.294,9	48.294,9	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	134.561,4	134.561,4	0
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	158,3	158,3	0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	158,3	158	0